TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 233/2017/DS-PT
Ngày: 13-12-2017
V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thinh

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Lâm

Ông Lâm Văn Be

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Sang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 244/2017/TLPT-DS, ngày 31 tháng 10 năm 2017, về "Tranh chấp đòi tài sản"; do Bản án dân sự sơ thẩm số: 121/2017/DS-ST, ngày 18 tháng 9 năm 2017, của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 231/2017/QĐ-PT, ngày 13 tháng 11 năm 2017; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn D, sinh năm 1966; nơi cư trú: Số 2/22A, tổ 26, ấp D1, xã D2, huyện D3, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của ông Huỳnh Văn D: Anh Diệp Văn C, sinh năm 1987; nơi cư trú: Số 493, đường C1, khu phố C2, phường C3, thành phố C4, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 08/3/2017).

2. Bị đơn: Công ty TNHH thương mại dịch vụ và sản xuất A; địa chỉ trụ sở: Số A1, hẻm A2, đường A3, Khu phố A4, Phường A5, thành phố A6, tỉnh Tây Ninh,

Người đại diện theo pháp luật: Ông B, sinh năm 1960; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty A; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1959; nơi cư trú: Số 23/2, đường N1, ấp N2, xã N3, huyện N4, tỉnh Tây Ninh; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

3.2. Ông Trần Quang T, sinh năm 1962; nơi cư trú: Số 39/5, ấp T1, xã T2,

huyện T3, tỉnh Tây Ninh; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Anh Diệp Văn C là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/02/2017 của nguyên đơn – ông Huỳnh Văn D và quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của ông D trình bày:

Ngày 21/5/2006 Chi nhánh nhà máy chế biến thức ăn gia súc H (viết tắc là Chi nhánh H) có vay của ông D số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn một tháng. Chi nhánh H có giao cho ông D 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin; gồm: Giấy CNQSDĐ mang tên Đặng Thị L, giấy CNQSDĐ mang tên Đặng Văn M, giấy CNQSDĐ mang tên Thi Thị S. Hết thời gian một tháng nhưng Chi nhánh H không trả tiền. Sau đó, ông Nguyễn Văn N và ông Trần Quang T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra bắt giữ và Tòa án tuyên phạt 6 đến 9 năm tù giam về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. 03 giấy CNQSDĐ Chi nhánh H giao cho ông D đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra thu hồi trả lại cho chính chủ sử dụng. Ngày 17/4/2009 Chi nhánh H chính thức ngừng hoạt động. Ông D liên hệ Công ty TNHH thương mại dịch vụ và sản xuất A (viết tắt là Công ty A) là doanh nghiệp quản lý chi nhánh H để yêu cầu trả tiền nhưng không được chấp nhận.

Nay ông D yêu cầu Công ty A trả số tiền gốc là 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại văn bản trình bày ngày 22/6/2017, bị đơn Công ty TNHH thương mại dịch vụ và sản xuất A – đại diện Công ty ông B trình bày: Chi nhánh H trực thuộc Công ty A được thành lập ngày 24/5/2002 do ông N làm giám đốc Chi nhánh. Trong quy chế hoạt động của Chi nhánh không có chủ trương cho ông N, ông T vay mượn bên ngoài về cho Chi nhánh hoạt động. Việc vay tiền của ông N, ông T với ông D là việc vay tiền giữa các cá nhân với nhau, do ông N, ông T lợi dụng danh nghĩa của Chi nhánh H ký nhận. Bản thân ông N, ông T thời gian đó đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của Nhà máy H số tiền trên 5 tỷ đồng, bị Tòa án xét xử vào năm 2009 về tội " Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Trong quá trình điều tra Phòng cảnh sát điều tra tội phạm và trật tự xã hội đã mời các cá nhân mà ông N, ông T vay mượn (trong đó co ông D) để làm việc và tách ra thành vụ án khác để xử lý riêng các cá nhân này với nhau. Thời điểm 2006 Chi nhánh H hạch toán độc lập nên Công ty không được giữ sổ sách kế toán của Chi nhánh, tất cả các hồ sơ đều do Chi nhánh tự bảo quản và Chi nhánh đã giải thể, ngưng hoạt động từ lâu, nên Công ty không có bất cứ số liệu nào của Chi nhánh.

Nay Công ty A không đồng ý như yêu cầu của ông D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N trình bày: Năm

2003, 2004 ông là Giám đốc Chi nhánh H thuộc công ty A là Chi nhánh hạch toán độc lập, ngày 21/5/2006 Chi nhánh có vay của ông Huỳnh Văn D số tiền 100.000.000 đồng. Khi vay, Chi nhánh có đưa cho ông D 03 Giấy CNQSDĐ gồm: Giấy CNQSDĐ số 860235 mang tên Đặng Thị L, giấy CNQSDĐ số 082691 mang tên Đặng Văn M và giấy CNQSDĐ số 497927 mang tên Thi Thị S. Do bà L, ông M, bà S thiếu tiền thức ăn gia súc của Chi nhánh nên họ đưa giấy CNQSDĐ cho Chi nhánh. Nay ông đã nghỉ việc và bàn giao công việc cho người mới nên ông không có trách nhiệm gì với Chi nhánh, ông không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ kiện này.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quang T trình bày:*Từ năm 2003 đến năm 2007 ông là Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh của Chi nhánh H. Do thiếu tiền Ngân hàng nên Chi nhánh có vay của ông Huỳnh Văn D số tiền 100.000.000 đồng, ông N ký nhận nợ, còn ông D ký xác nhận, sau đó nhập quỹ để mang đi trả nợ. Nay ông đã nghỉ việc nên ông không ý kiến và yêu cầu gì trong vụ kiện này.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 121/2017/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp đòi tài sản" số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng của ông Huỳnh Văn D đối với Công ty TNHH thương mại dịch vụ và sản xuất A.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29-9-2017, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh Diệp Văn C kháng cáo yêu cầu Công ty A trả cho ông Huỳnh Văn D số tiền 100.000.000 đồng.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa phúc thẩm*:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chi nhánh H do Công ty A thành lập và được phép hoạt động từ ngày 24/5/2002. Theo Điều lệ của Công ty A thì Chi nhánh H là đơn vị có đăng ký kinh doanh, hoạt động độc lập, có con dấu riêng, mở tài khoản riêng, tự hạch toán lãi lỗ và chịu trách nhiệm các khoản nợ. Tại quy chế quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của chi nhánh H có quy định vốn của nhà máy (chi nhánh) là vốn góp của các thành viên công ty, nguồn vốn góp không đủ thì triệu tập cuộc họp thành viên để bổ sung hoặc vay ngân hàng, không được huy động bên ngoài hoặc vay từ các nguồn khác. Tại văn bản ngày 07/9/2017 của Cục thuế Tây Ninh xác định nhà máy chế biến thức ăn gia súc H hoạt động vào ngày 19/6/2002 bằng hình thức hạch toán độc lập. Như vậy, những vấn đề liên quan đến quản lý và sử dụng vốn của chi nhánh H đều do chi nhánh này quyết định, không thuộc trách nhiệm của Công ty A. Trong thời gian chi nhánh H còn hoạt động ông D không khởi kiện yêu cầu chi nhánh trả lại tiền. Theo xác nhận của Cục thuế Tây Ninh thì chi nhánh H đã ngưng hoạt động và đóng mã số thuế ngày 17/4/2009, nên Công ty A không có trách nhiệm về các khoản nợ của chi nhánh H.

Việc ông Nguyễn Văn N – Giám đốc chi nhánh và ông Trần Quang T – Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh chi nhánh H tự ý vay tiền của ông D không thông qua cuộc họp hội đồng thành viên là sai điều lệ của Công ty và quy chế hoạt động của nhà máy nên phải chịu trách nhiệm cá nhân.

[3] Mặt khác, tại thời điểm năm 2006, 2007 khi ông N, ông T bị truy tố, xét xử về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", tại biên bản lấy lời khai của Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội - Công an Tây Ninh (bút lục số 74 đến 77) ông Nguyễn Văn N thừa nhận có vay số tiền 100.000.000 đồng của ông D, ông ký nhận tiền là sai điều lệ của Công ty A, việc vay là do ông N tự đi vay, không báo cáo xin ý kiến, ông N cam kết trả nợ cho ông D. Chính vì vậy nên trong quá trình giải quyết vụ án "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" đối với ông N, ông T các cơ quan tiến hành tố tụng cũng không đưa khoản nợ này vào giải quyết trong cùng vụ án đó mà xác định ông N tự ý vay bên ngoài và ông N cũng xác nhận chịu trách nhiệm trả số tiền trên cho ông D. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 BLTTDS và Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 256 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Diệp Văn C là người đại diện hợp pháp của ông Huỳnh Văn D; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn D về việc yêu cầu Công ty TNHH thương mại dịch vụ và sản xuất A trả số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

2. Án phí:

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn D chịu 5.000.000đ (Năm triệu đồng) án phí sơ thẩm dân sự nhưng được khấu trừ 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông D đã nộp theo biên lai thu số 0003754 ngày 22-02-2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh. Ông D còn phải nộp 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

2.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Văn D phải chịu 300.000 đồng; ghi nhận anh C đã nộp từ tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 0004504, ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh; anh C đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND thành phố Tây Ninh;
- THA dân sự thành phố Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Tòa DS (lưu);
- Lưu HS và Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đỗ Văn Thinh